

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 57/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 05 - 2024

V/v: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Liễu;
- Bà Trương Thị Lệ Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Kim Lân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thanh Ngọc - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 31 tháng 05 năm 2024, tại Hội trường xét xử A, tầng trệt - Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 53/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 05 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2024/QĐHPT-HNGĐST ngày 24 tháng 05 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị Thanh H**, sinh năm 1990.

Địa chỉ thường trú: Số D, tổ H, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: Số F, khu A, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông **Trần Minh H1**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số D, khu H, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H xin vắng mặt, ông H1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/01/2024, bản tự khai, quá trình làm việc tại

Toà án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Minh H1 tự nguyện tìm hiểu, yêu thương kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai vào năm 2010. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống với nhau tại số nhà D, khu H, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống vợ chồng thường không hợp nhau, không có tiếng nói chung, rất ít nói chuyện với nhau vì chỉ nói được hai câu là cãi nhau, ông H1 không tôn trọng bà, không lo lắng cho vợ và bà đã muốn ly hôn từ lâu nhưng gia đình ngăn cản nói bà ráng sống vì con nên bà đã cố gắng chịu đựng. Từ năm 2022 đến nay, vợ chồng hầu như không sống chung với nhau, không quan tâm chăm sóc đến nhau nên tình cảm lạnh lùng, mâu thuẫn trầm trọng. Từ khi bà sinh cháu thứ ba thì ông H1 không có trách nhiệm với cháu. Nay bà làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H1 để được ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 03 con chung là các cháu tên Trần Ngọc D, sinh ngày 18/7/2011 và Trần Đăng K, sinh ngày 25/11/2012 và Trần Ngọc Thiên K1, sinh ngày 21/8/2023. Ly hôn, bà xin nuôi cháu K1 và đồng ý giao 02 con chung là các cháu D và K cho ông H1 nuôi. Tạm thời không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

***Theo bản tự khai để ngày 11/03/2024, bị đơn ông Trần Minh H1 trình bày:**

Ông là chồng của bà Đỗ Thị Thanh H, ông không đồng ý ly hôn vì vợ chồng ông chưa giải quyết được, hiện ông bà có 03 đứa con, 02 đứa con trai lớn và 01 bé gái mới sinh được 6,5 tháng. Hiện nay, ông đang ở chung với bố mẹ đã già có một mình ông là con. Tài sản có 01 chiếc xe ben 9,1 tấn là của hai vợ chồng và bố mẹ chồng giúp đỡ nhà cửa đất đai không có, đang ở chung với cha mẹ ông. Hiện nay vợ ông đang nuôi bé gái ở trong nhà bà ngoại, còn ông nuôi 02 đứa ở nhà. Đối với yêu cầu xin nuôi bé gái, ông không đồng ý và cũng không đồng ý ly hôn.

Do các đương sự vắng mặt tại phiên toà, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tại phiên toà:**

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử, thu thập chứng cứ, tài liệu, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát và giao, tổng đạt văn bản tố tụng, Tòa án đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, cho bà được ly hôn với ông H1;

- Về con chung: Có 03 con chung là các cháu tên Trần Ngọc D, sinh ngày 18/7/2011 và Trần Đăng K, sinh ngày 25/11/2012 và Trần Ngọc Thiên K1, sinh ngày 21/8/2023. Ly hôn, giao cháu K1 cho bà H nuôi và giao các cháu D và K cho ông H1 nuôi. Tạm thời không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết;

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách đương sự, quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Bà Đỗ Thị Thanh H khởi kiện “Xin ly hôn, yêu cầu giải quyết con chung” với ông Trần Minh H1, sinh năm 1982, có nơi cư trú tại: Số D, khu H, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; căn cứ quy định tại Điều 68, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bà Đỗ Thị Thanh H là nguyên đơn, ông Trần Minh H1 là bị đơn, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận; còn bị đơn ông Trần Minh H1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa nên căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông H1.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông H1 kết hôn năm 2010 có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 06-2010, đăng ký ngày 13/09/2010 nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và 2014 để giải quyết, xét xử vụ án.

Bà H trình bày: Quá trình chung sống, vợ chồng thường không hợp nhau, không có tiếng nói chung, rất ít nói chuyện với nhau vì chỉ nói được hai câu là cãi nhau, ông H1 không tôn trọng bà, không lo lắng, không có trách nhiệm với vợ con. Từ năm 2022 đến nay, vợ chồng hầu như không sống chung với nhau, không quan tâm chăm sóc đến nhau nên tình cảm lạnh lùng, mâu thuẫn trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H1 để được ổn định cuộc sống. Còn ông H1 trình bày không đồng ý ly hôn vì vợ chồng ông chưa giải quyết được, hiện ông bà có 03 đứa con, 02 đứa con trai lớn và 01 bé gái mới sinh được 6,5 tháng. Hiện nay, ông đang ở chung với bố mẹ đã già có một mình ông là con.

Tòa án cũng đã tiến hành xác minh quá trình chung sống, trình trạng hôn nhân và con chung của ông H1, bà H tại địa phương thể hiện (bút lục số 29): Sau khi kết hôn, vợ chồng ông H1, bà H sống hạnh phúc đến tháng 08/2023 thì không thấy sống chung với nhau nữa, bà H đã bỏ về nhà mẹ sống cho đến nay. Gia đình ông H1 cũng không thông báo địa phương biết để quan tâm, hòa giải nên địa phương không can thiệp. Hiện nay không rõ các bên còn liên lạc quan lại với nhau nữa không.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho ông H1 nhưng ông không đến hòa giải cũng như tham gia phiên tòa xét xử tại toà án. Điều này chứng tỏ ông H1 đã không còn thiết tha, không còn quan tâm và mặc kệ đến quan hệ hôn nhân với bà H.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân, tình cảm vợ chồng phải do hai bên cùng vun đắp, xây dựng, giữ gìn...vv nhưng quá trình làm việc và hoà giải tại toà, mặc dù Tòa án đã phân tích, động viên, hòa giải để bà H hàn gắn tình cảm, đoàn tụ với ông H1 nhưng bà H vẫn cương quyết xin ly hôn. Ông H1 không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp nào để ông và bà H giải quyết mâu thuẫn, hoà giải, hàn gắn tình cảm chứng tỏ giữa bà H và ông H1 đã không còn tình nghĩa, tình cảm vợ chồng và thương yêu, quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa...vv. Từ những nhận định, xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông H1 có thật, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, cho bà được ly hôn với ông H1.

[3.2] Về con chung: Có 03 con chung là các cháu tên Trần Ngọc D, sinh ngày 18/7/2011 và Trần Đăng K, sinh ngày 25/11/2012 và Trần Ngọc Thiên K1, sinh ngày 21/8/2023.

Ông H1 và bà H cùng thừa nhận: Hiện cháu K1 đang sinh sống cùng bà H, còn 02 cháu D và K đang sinh sống cùng ông H1.

Toà án đã tiến hành cho cháu D và K làm bản tự khai, nguyện vọng của các cháu sau khi cha mẹ ly hôn, xin được ở với ông H1 (bút lục số 23- 24).

Xét thấy, hiện nay cháu K1 đang còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), đang sinh sống ổn định cùng bà H, còn cháu D và K đang sinh sống ổn định cùng ông H1; vì vậy xem xét ý kiến, điều kiện của ông H1, bà H; sự tự nguyện của bà H và nguyện vọng của các con chung; để tránh ảnh hưởng, xáo trộn đến cuộc sống, tâm sinh lý, sinh hoạt hằng ngày, học tập...vv của các cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu K1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu D và K cho ông H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào do không có yêu cầu. Đối với ý kiến của ông H1 không đồng ý đối với yêu cầu của bà H xin nuôi cháu K1 không có căn cứ nên không chấp nhận.

[3.3] Đối với tài sản chung và nợ chung:

Bà H trình bày đối với phần tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Ông H1 trình bày: Tài sản có 01 chiếc xe ben 9,1 tấn là của hai vợ chồng nhưng không có yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án. Vì vậy, đối với tài sản chung và nợ chung, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà H phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 69, 92, 97, 147, 227, 228, 235, 238, 264, 266, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 10, 11, 18, 85, 89 và 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110 và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện bà Đỗ Thị Thanh H đối với ông Trần Minh H1 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Thanh H được ly hôn với ông Trần Minh H1.

2. Về con chung: Có 03 con chung là các cháu tên Trần Ngọc D, sinh ngày 18/7/2011 và Trần Đăng K, sinh ngày 25/11/2012 và Trần Ngọc Thiên K1, sinh ngày 21/8/2023.

Ly hôn, giao con chung là cháu K1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao 02 con chung là các cháu D và K cho ông H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời, không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Bà H, ông H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung còn lại không trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 00014141 ngày 24/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

5. Bà H, ông H1 vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Định Quán (Số 242, quyền số: 06-2010, đăng ký ngày 13/09/2010);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Đạt